

THÍCH THIÊN BA-LA-MẬT THỨ ĐỆ PHÁP MÔN

QUYỂN 1 (PHẦN 2)

CHƯƠNG IV: NÓI VỀ GIẢI THÍCH THEO THỨ LỚP THIÊN BA LA MẬT:

Hành giả đã biết tướng của thiền môn, Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến lúc thành quả Phật, tu tập thiền định từ cạn đến sâu, thứ lớp cấp bậc là nghĩa phải biết. Nay lược lấy ý kinh luận giáo chọn lựa thứ lớp. Cho nên kinh Đại Phẩm chép: Đại Bồ-tát, thứ đệ hạnh, thứ đệ học, thứ đệ đạo. Nói về thứ lớp thiền định có hai ý: Một là chánh nói thứ lớp các thiền; Hai là phân biệt phi thứ đệ. 1. Chánh giải thích nghĩa thứ lớp các thiền. Hành giả từ đầu trì giới thanh tịnh, chán sợ cõi dục, hệ niệm tu tập A-na-ba-na, vào định cõi dục, nương định cõi dục mà được Vị đáo địa. Y Vị đáo địa như thế mà thứ lớp được Sơ thiền, cho đến Tứ thiền. Đó gọi là nội sắc giới định. Kế là Đại công đức duyên ngoại chúng sinh, được lạc hoan hỷ. Thứ lớp được bốn tâm vô lượng, đó gọi là ngoại sắc giới định. Tám thứ thiền định này tuy duyên cảnh nội ngoại, vào định có khác nhưng đều thuộc cõi sắc. Hành giả ở Tứ thiền chán sợ sắc như tù ngục, diệt hai thứ sắc nội ngoại trước, nhất tâm duyên không mà vượt qua được nạn sắc nên được định Tứ không xứ, đó gọi là định cõi vô sắc. Mười hai môn thiền này đều là pháp hữu lậu. Kế đây phải nói thiền vừa có hữu lậu, vừa vô lậu. Hành giả đã được căn thiền bản rồi, là muốn dứt trừ kiến trước trong thiền này. Kế lại từ cõi dục mà tu sáu Diệu Môn. Vì sao? Vì trong sáu Môn này, Sổ - Tùy - Chỉ là phương tiện nhập định, còn Hoán - Hoàn - Tịnh là tuệ phương tiện. Định Ái tuệ sách. Vì ái nên nói hữu lậu, vì sách nên nói vô lậu. Sáu pháp này phần nhiều là Vị đáo địa của cõi dục đầy đủ trong bốn thiền. Cũng có Chí Thượng Vô Sắc Địa. Kế phải nói mười sáu đặc thắng. Ngang thì đối bốn niệm xứ, Dục thì từ cõi Dục cho đến Phi tưởng. Chỉ trong từng địa là lập quán phá chiết, cho nên sinh ra vô lậu. Kế là phải nói thông minh quán, mười sáu đặc thắng

trước quán chung cho nên thô. Nay thông minh quán riêng cho nên tế. Thiền này cùng từ cõi dục đến phi tưởng, cho đến nhập diệt định. Ba thứ thiền này cũng gọi là Tịnh thiền trong năm thứ thiền, cũng thuộc thiền căn bản. Nay nói tướng thứ lớp của thiền vô lậu, có hai ý khác nhau: Một là Hành hạnh thứ đệ; Hai là Tuệ hạnh thứ đệ.

Hành hạnh thứ đệ là quán luyện huân tu, trước nói thứ lớp quán thiền, có sáu thứ thiền: Trước tu chín tưởng, trước vô lậu dùng đây đối trị mà phá phiền não cõi dục, cho nên kế là tám niệm là trừ tâm sợ hãi khi tu chín tưởng, kế là mười tưởng, đã hoại pháp nhân ở Dục tu mười tưởng này mà dứt phiền não ba cõi. Cho nên kế là tám Bối xả, chẳng hoại pháp nhân, tu quán thiền này để đối trị kiến ái trong định căn bản ở ba cõi. Cho nên kế là nói tám thắng xứ, vì trong các thiền định quán duyên được tự tại. Kế nói mười Nhất thiết xứ, vì muốn trong các thiền định khiến sắc tâm trùm khắp, cho đến tu sáu thần thông. Do đó thuộc quán thiền. Kế nói luyện thiền, tức là chín định thứ đệ gồm chung hai thứ thiền định quán ở trước khiến tâm điều nhu. Khi nhập vào các thiền thì tâm tâm thứ lớp vô gián (không xen hở), và ba thứ Tam-muội có giác, có quán, v.v... đều thuộc về Luyện thiền. Kế là nói Huân thiền, Huân thiền tức là Tam-muội Sư Tử Phấn Tấn, thứ lớp thuận nghịch ra vào huân tu các thiền, khiến định quán rõ ràng thuần thực, thêm nhiều công đức. Kế nói tu thiền. Tu thiền tức là Tam-muội Siêu Việt, ở trong các thiền siêu việt ra vào, là được giải thoát vô ngại tự tại. Do đó kinh Đại Phẩm chép: Đại Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật, lấy thiền Ba-la-mật, trừ Tam-muội của Chư Phật vào tất cả Tam-muội khác, như Tam-muội của Thanh văn, như Tam-muội của Bích-chi-phật, như Tam-muội của Bồ-tát, đều làm đều vào. Tất cả Tam-muội khác là định căn bản. Như Tam-muội Thanh văn, ba mươi bảy phẩm không, vô tướng, v.v... ba thứ Tam-muội là bốn đế mười sáu hạnh. Như Tam-muội của Bích-chi-phật là mười hai nhân duyên Tam-muội. Tam-muội của Bồ-tát là tự tánh thiền v.v... đều gọi Tam-muội. Bồ-tát ấy trụ các Tam-muội mà nghịch thuận ra vào tám Bối xả. Y theo tám Bối xả mà nghịch thuận ra vào chín định Thứ đệ, y chín Thứ đệ định mà nghịch thuận ra vào Tam-muội Sư Tử Phấn. Bồ-tát ấy y theo các Tam-muội được các pháp tướng đều bằng đây, bắt đầu là hạnh Nhị thừa, hạnh và thiền đầy đủ. Vì sao? Vì Đại A-la-hán cũng được Tam-muội siêu việt; Hai là nói tướng thứ lớp của tuệ hạnh vô lậu. Do nghe bốn đế liền tu ba mươi bảy phẩm. Kế vào ba môn giải thoát, kế dùng mười sáu hạnh quán phân biệt bốn đế, kế đủ mười trí vô lậu căn, thành tựu chín tu, được chín đoạn. Như đây lược

nói chỗ làm tuệ hạnh vô lậu của Thanh văn. Kế phải nói mười hai nhân duyên quán môn. Tức là chỗ làm vô lậu tuệ hạnh của Bích-chi-ca-la. Nếu Bồ-tát thứ lớp thành tựu. Học và vô học của Nhị thừa được trí đoạn. Đó gọi là từ giả vào không, quán chung đầy đủ. Cho nên kinh Đại Phẩm chép: Bồ-tát thực hành Bát-nhã Ba-la-mật, dùng năng lực phương tiện từ Càn Tuệ địa vào Tánh địa, tám thứ (vào) Nhân địa, Kiến địa, Ly dục địa, A-la-hán, Bích-chi-phật địa, đều làm đều vào chẳng thủ chứng. Kế là nói thứ lớp bất cộng thiên của Bồ-tát: Một là Tự tánh thiên, hai là Nhất thiết nghĩa thiên, ba Nạn thiên, bốn là Nhất thiết môn thiên, năm là Thiện nhân thiên, sáu là Nhất thiết hạnh thiên, bảy là Trừ não thiên, tám là Thử thế tha thế lạc thiên, chín là Thanh tịnh tịnh thiên. Bồ-tát nương theo các thiên ấy mà được quả Đại Bồ-đề, đầy đủ tất cả Phật pháp như mười lực, bốn vô sở úy, mười tám bất cộng, v.v... Đây thì nói lược Bồ-tát từ mới phát tâm tu thiên, thứ đệ hạnh, thứ đệ học, thứ đệ đạo cho đến Phật địa, gọi là trụ trong hàng sâu thiên định đại Niết-bàn. Nghĩa này đến chương bảy có giải thích tu chứng, chương tám hiển bày quả báo mới luận rõ.

Hỏi: Bồ-tát Đại sĩ vì thông suốt các thiên cạn sâu, đầy đủ tất cả Phật pháp thứ đệ hạnh, thứ đệ học, có thể nói như trên. Nay hành giả khi mới học thiên là phải một bề y thứ lớp như trên mà tu, hay không phải như thế?

Đáp: Nay lại muốn nói tướng cạn sâu của các thiên, một phen ở đây thứ lớp phân biệt. Nếu nói về người sơ tâm mới học tùy chỗ ưa thích liền phải đối trị mà để vào Nê-hoàn, từ các thiên phương tiện sơ môn mà tu, không cần phải cố định mỗi việc y thứ lớp như trước. Nghĩa này đến nội phương tiện an tâm thiên môn mới phân biệt rộng. Hai là phân biệt phi thứ đệ.

Hỏi: Bồ-tát tu thiên là một bề y theo thứ lớp hay tu thiên không theo thứ lớp? Đáp: Ở đây có bốn: Một là nói thứ lớp, hai là nói không có thứ lớp, ba là nói thứ lớp mà không phải thứ lớp, bốn là nói không phải thứ lớp mà thứ lớp. 1- Nói có thứ lớp, như trên nói: Kinh Đại Phẩm nói Bồ-tát thứ đệ hạnh, thứ đệ học, thứ đệ đạo; 2- Nói không phải thứ lớp, như Bồ-tát tu các Tam-muội Pháp Hoa, Nhất Hạnh v.v..., quán giải thoát bình đẳng, không sâu không cạn, nên gọi là không phải thứ lớp. Như kinh Vô Lượng Nghĩa chép: Làm đạo lớn thẳng tất không lưu nạn; 3- Nói thứ lớp mà không phải thứ lớp, là như trong Đại Phẩm Tu-bồ-đề bạch Phật có thứ lớp tâm phải hành Bát-nhã, phải sinh Bát-nhã, phải tu Bát-nhã chẳng? Phật bảo Tu-bồ-đề rằng: Thường chẳng là Tát-bà-

nhã mà thực hành Bát-nhã, mà sinh Bát-nhã, mà tu Bát-nhã; 4- Nói không phải thứ lớp mà thứ lớp, là như Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Tất cả các pháp đều không có tự tánh, vì sao Bồ-tát lại được từ một địa này lên một địa khác? Phật bảo Tu-bồ-đề rằng: Vì các pháp là Không, nên Bồ-tát được từ một địa này đến một địa khác. Hỏi: Nay đối với bốn câu này chỉ nói Bồ-tát, cũng được chung cho Nhị thừa chăng? Đáp: Nhị thừa cũng được nói như thế. Vì sao? Vì biết có Thanh văn khi mới phát tâm đã thực hành hạnh từ Căn bản sơ thiên mà tu, cho đến siêu việt thiên mới được quả A-la-hán. Ấy là thứ lớp. Hoặc có Thanh văn nghe nói thiện lai mà cùng lúc được đầy đủ ba minh, tám giải thoát, v.v... ấy là không phải thứ lớp. Hoặc có Thanh văn khi tu hạnh thứ lớp liền dùng tuệ hạnh, khéo quán thứ lớp tánh không, từ sơ tâm cho đến được A-la-hán, đó gọi là thứ lớp mà không phải thứ lớp; Hoặc có Thanh văn từ khi mới phát tâm liền tu tuệ hạnh, phát Tam-muội điển quang mà được bốn quả, nhưng chưa đủ các thiên, vì muốn đầy đủ công đức hữu vi. Thứ lớp tu năm thiên định đầy đủ tức là chẳng phải thứ lớp mà thứ lớp. Nghĩa này đến chương bảy giải thích tu chứng và chương tám hiển bày quả báo đến hết mười ý thì sẽ rõ.

CHƯƠNG V: PHÂN BIỆT TÂM PHÁP CỦA THIÊN BA LA MẬT:

Đã lược nói giải thích theo (thứ lớp) các thiên xong, nhưng tướng tâm pháp trong các thiên cũng phải biết rõ. Ở đây có ba ý: Một là nói về pháp; hai là nói về tâm; ba là phân biệt sự khác nhau giữa tâm và pháp.

1. Nói về pháp, pháp có bốn thứ: 1. Pháp hữu lậu; 2. Pháp vô lậu; 3. Pháp vừa hữu lậu vừa vô lậu; 4. Pháp chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu. 1. Pháp hữu lậu, tức là mười thiện căn bản bốn thiên, chúng sinh duyên bốn tâm vô lượng, bốn không định, v.v... Vì sao? Vì mười hai môn thiên này, thể nó không phải là pháp quán tuệ, chẳng thể soi rõ để dứt ác phiền não. 2. Pháp vô lậu là chín tướng, tám niệm, mười tướng, bối xả, thắng xứ, Nhất thiết xứ, Thứ đệ định, Sư tử phấn tấn, Tam-muội Siêu việt, Tứ đế, mười sáu hạnh, mười hai nhân duyên, duyên bốn tâm Vô lượng, ba mươi bảy phẩm, ba thứ Tam-muội v.v... cho đến Nguyên trí dẫn thiên, mười một trí, ba căn vô lậu, v.v... các định vô lậu. Vì sao? Vì trong các thiên này đều có đối trị quán tuệ đầy đủ, dứt trừ ba lậu. 3. Cửa hữu lậu vừa vô lậu, là sáu diệu môn, mười sáu đặc thắng, thông minh, v.v... Vì sao? Vì trong ba thiên này tuy có quán tuệ nhưng lực dụng

yếu kém, nên gọi vừa hữu lậu vừa vô lậu. 4. Chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, là một trăm lẻ tám Tam-muội như Pháp Hoa Tam-muội, Bát Chu Niệm Phật, Thủ-lăng-nghiêm, v.v... chín thứ thiền như tự tánh thiền, v.v... cho đến Vô duyên đại từ đại bi, mười Ba-la-mật, bốn trí vô ngại, mười tám không, mười lực, bốn vô sở úy, mười tám pháp bất cộng, trí Nhất thiết chủng, v.v... Vì sao? Vì tu các pháp ấy chẳng rơi vào hai biên, cho nên nói chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu. Hỏi: Vì sao nói các pháp như Pháp Hoa Tam-muội, v.v... đều gọi là chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu? Như trong Pháp Hoa chép: Bồ-tát Đức Tạng đối với vô lậu thật tướng tâm đã thông suốt, sau sẽ thành Phật hiệu là tịnh thân. Lại như vô úy thứ hai trong bốn vô úy gọi là vô lậu vô úy. Các pháp như thế trong các kinh luận đều nói là vô lậu. Nay vì sao đều nói là chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu? Đáp: ở đây muốn phân biệt Bồ-tát và Chư Phật có Trung đạo và pháp bất cộng. Phải thực hành phân biệt này, như phàm phu chuyên y hữu lậu, làm sao khỏi được lỗi hai bên, chính là xếp vào pháp Trung đạo, không phải hai bên, nên nói chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu. Hai cách nói này lời khác mà ý đồng, nên không trái nhau. Nếu nói (về) lý tánh, thì tất cả đều gọi là pháp chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu. Cho nên kinh Đại Phẩm chép: Sắc không buộc không thoát cho đến trí Nhất thiết chủng cũng không buộc không thoát. Lý đã không buộc không thoát thì hạnh xứng lý há chẳng đồng gọi là không buộc không thoát. Không buộc không thoát là tên khác của chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu. Hỏi: Phân biệt định tuệ làm bốn câu thì như thế, còn giới thì thế nào? Đáp: Từ mười thiện, ba quy y, năm giới cấm, tám trai giới, mười giới Sa-di, hai trăm năm mươi giới của Đại Tỳ-kheo, mười giới trọng bốn mươi tám giới khinh của Bồ-tát, cũng được làm bốn câu mà phân biệt nghĩa nó v.v... nay chẳng thể giải thích đủ. Hỏi: Chương bốn ở trên nói giải thích (thứ lớp) của thiền, và ở chương bảy nói về tu chứng đều trước nói hữu lậu, kế nói vừa hữu lậu vừa vô lậu, kế nói vô lậu, kế nói chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu, nay phân biệt bốn câu sao nói trước sau khác nhau, lấy câu thứ ba làm thứ hai? Đáp: Trước sau đều y cứ tu hành vào chứng để làm thứ lớp. Nay muốn phân biệt tướng pháp tâm nên phải y cứ câu lời cho tiện, cũng vì trong kinh luận đều nói bốn câu như thế. Vì khi làm chẳng phải khi nói, khi nói chẳng phải khi làm, nghĩa này rất dễ hiểu.

2. Nói về tâm, có bốn tâm: Một là tâm hữu lậu, hai là tâm vô lậu, ba là tâm vừa hữu lậu vừa vô lậu, bốn là tâm chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu. 1. Tâm hữu lậu, tức là tâm phàm phu ngoại đạo, vì đủ ba

lậu nên gọi là tâm hữu lậu. Vì sao? Vì phạm phu ngoại đạo khi tu thiền định y cứ vào bốn thời mà phân biệt vì chẳng lìa được kết lậu. Thế nào là trong bốn thời mà phân biệt? Một là mới phát tâm khi muốn tu thiền chẳng thể chán sợ thế gian, vì muốn cầu vui trong thiền định và quả báo; Hai là khi đang tu thiền định chẳng thể phản chiếu quán sát nên sinh tâm chấp trước; Ba là khi chứng các thiền liền chấp là thật mà chẳng biết là luống dối, đối với các địa mà sinh tâm chấp trước; Bốn là xuất định, nếu đối các cảnh lại sinh kết nghiệp. Vì nhân duyên đó nên gọi là tâm hữu lậu; 2. Tâm vô lậu cũng y cứ bốn thời mà phân biệt: Một là y cứ người phát tâm, người Nhị thừa khi mới phát tâm muốn tu thiền định thì chán sợ thế gian, chẳng ưa thích vui thiền định và cầu quả báo, chỉ vì điều tâm thì lậu tâm tự nhiên yếu mỏng, chẳng khởi, do đây sẽ phát vô lậu; Hai là hành giả hành tùy chỗ tu thiền đều biết luống dối, hàng phục được kiến trước mà chẳng sinh kết nghiệp; Ba là người được chứng. Khi vào các thiền định, nếu ở trong định mà phát chân luận tuệ, dứt các phiền não, thì ba lậu dứt hẳn; Bốn là xuất định, tùy chỗ đối cảnh mà không sinh chấp trước, tạo các kết nghiệp. Vì nhân duyên ấy nên gọi là tâm vô lậu, hai thứ tâm trước tuy là hữu lậu mà làm nhân cho vô lậu. Trong nhân mà nói quả nên cũng gọi là vô lậu. 3. Tâm vừa hữu lậu vừa vô lậu, cũng y cứ bốn thời mà phân biệt: Một là y cứ người mới phát tâm. Hành giả này mới phát tâm khi muốn tu thiền thì bàng hoàng bất định, có lúc chán lìa sinh tử chẳng ưa thích các vui của thiền, có lúc sinh kiến trước trông mong vui định, ưa thích quả báo. Vì chán lìa nên kết nghiệp yếu mỏng, vì mong cái vui của định nên thêm lớn phiền não; Hai là y cứ hành giả hành, như khi người chẳng dứt mất gốc lành muốn tu thiền, người ấy tuy thành tựu năm pháp như tín, v.v... nhưng không được gọi là Căn. Vì không thể định phục các kiết sử nên gọi là cũng hữu lậu, vì sinh các thiện pháp như tín v.v... nên gọi là cũng vô lậu; Ba là y cứ người được chứng, bảy thứ người học khi vào thiền định, tuy phát chân trí nhưng kiết lậu chưa hết, nên gọi vừa hữu lậu vừa vô lậu cho đến thối pháp La-hán cũng có nghĩa này. Vì sao? Vì chưa được trí vô sinh nên gọi là cũng hữu lậu, vì được tận trì nên gọi là cũng vô lậu; Bốn là các người học xuất định, tùy đối các cảnh tùy chỗ dứt hoặc mà chỗ chưa dứt hết cũng sinh mê đắm, nên gọi là cũng hữu lậu. Dứt hoặc hết rồi tuy đối các cảnh nhưng kiết nghiệp không khởi nên gọi là cũng vô lậu. 4. Tâm chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, cũng y cứ bốn thời: Một là y cứ người phát tâm, Bồ-tát Đại sĩ mới phát ý muốn tu thiền mà chẳng vì sinh tử, chẳng vì Niết-bàn thì tâm chẳng rơi vào hai biên; Hai

là y cứ hành giả hành, khi Bồ-tát tu thiền Ba-la-mật, vì phước đức nên chẳng trụ vô vi, vì trí tuệ nên chẳng trụ hữu vi; Ba là y cứ người được chứng, khi Bồ-tát nhập vào các thiền định, nếu ở trong thiền là phát nhãn tuệ Vô sinh, khi ấy tâm tương ứng với pháp tánh, chẳng đắm sinh tử, chẳng nhiễm Niết-bàn; Bốn là Bồ-tát xuất định thì tùy đối các cảnh tâm thường chẳng nương hai bên có, không. Vì nhân duyên ấy mà tâm Bồ-tát gọi là không phải hữu lậu, không phải vô lậu.

3. Phân biệt tâm pháp. Hỏi: Chư Phật nói tất cả pháp đều không, dứt hết các lời nói, như luận Đại thừa nói kệ rằng:

*Bát-nhã Ba-la-mật
Thí như ngọn lửa lớn
Bốn bên chẳng thể lấy
Đốt tiêu hết tà kiến.*

Nay vì sao làm bốn câu phân biệt, có rơi vào hý luận hay không? Đáp: Trong Phật pháp không chẳng thật có, vì đối với các pháp không chỗ ngại. Do đó không chẳng thật có. Nói tất cả các pháp mười hai bộ kinh, nay nói có bốn câu không lỗi. Ví như hư không tuy không thật có mà các vật nương vào đó mà lớn lên, như luận Đại thừa có kệ rằng:

*Nếu tin các pháp không
Ấy là thuận theo lý
Nếu chẳng tin pháp không
Thì tất cả đều trái
Nếu cho vô là không
Không có sự tạo tác
Chưa làm đã có nghiệp
Chẳng làm có tác giả
Các pháp tướng như thế
Ai có thể suy lường
Chỉ có tâm ngay thẳng
Lời nói không nương tựa
Lìa các chấp có, không
Tâm tự nhiên lặng mất.*

Nay vì mở phương tiện thấy biết cho hành giả phân biệt các thứ pháp môn nên trong không cú nghĩa mà nói cú nghĩa thì đối với lý không lỗi. Cho nên kinh Đại Phẩm chép: Không có cú nghĩa là cú nghĩa của Bồ-tát. Nếu ông muốn lìa bốn câu mà câu giải thoát thì liền bị không cú nghĩa ràng buộc. Vì sao? Vì như nói có bốn câu, không bốn câu, vừa có vừa không bốn câu, chẳng phải có chẳng phải không bốn câu, ông còn

chẳng bị bộn câu buộc ràng, há là được khỏi bốn câu vừa có, vừa không, v.v... buộc ràng. Phải biết rõ cú và chẳng phải cú thì ở cú nghĩa chẳng ngại mà được giải thoát. Chẳng phải lia cú mà cầu thì ở không cú mà được giải thoát. Như Thiên nữ trách Thân tử (Xá-lợi-phất) rằng: Không lia văn tự mà nói giải thoát. Văn tự tánh lia tức là tướng giải thoát. Lại nữa, nay nói pháp hợp với tâm làm tám câu, lần lượt phân biệt thì có ba mươi sáu câu. Nếu càng nhỏ nhặt mà nói thì có vô lượng câu. Nếu đối với một câu mà thông suốt tất cả câu thì ở đây luận như hư không chẳng có bờ mé. Hỏi: Nếu thế vì sao chẳng y cứ pháp tâm làm thành năm câu. Đáp: Chư Phật ra đời đối duyên mà hóa vật. Giáo môn phần nhiều đều y cứ bốn câu, như trong luận Đại thừa nói có bốn thứ tất-đàn: Một là tất-đàn thế giới, hai là tất-đàn vì người, ba là tất-đàn đối trị, bốn là tất-đàn Đệ nhất nghĩa. 1. Tâm pháp hữu lậu là tất-đàn thế giới; 2. Pháp tâm vô lậu là tất-đàn đối trị; 3. Pháp tâm vừa hữu lậu vừa vô lậu là tất-đàn vì người; 4. Pháp tâm chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu là tất-đàn Đệ nhất nghĩa. Trong ý nhiếp nhau tìm kỹ sẽ thấy. Lại nữa, luận Đại thừa lại ở trong tất-đàn Đệ nhất nghĩa mà biết bốn môn, như bài kệ sau:

Tất cả thật tất cả chẳng thật

Tất cả vừa thật, vừa không thật

Tất cả chẳng thật, chẳng không thật

Như thế đều gọi các pháp thật.

Như thế v.v... chỉ có bốn câu, không có câu thứ năm. Nay y cứ bốn câu mà nói pháp tâm có thể dùng loại này. Trong các kinh luận khác lập ra năm câu nói nghĩa riêng là có nhân duyên. Nay chỉ lấy một nghĩa tiện mà nói chẳng y cứ năm câu mà phân biệt.

Hỏi: Bốn thứ tâm pháp này, pháp vừa tâm có đồng khác gì. Như pháp hữu lậu, tâm hữu lậu. Tâm pháp này đều là hữu lậu hay đều chẳng phải hữu lậu, cho nên nói lậu. Nếu cả hai đều có thì khi hợp tâm pháp phải có hai pháp lậu khởi lên, nếu đều không thì hòa hợp cũng phải không.

Đáp: Nay chẳng được nói cả hai đều hữu lậu, cũng chẳng được nói cả hai pháp đều vô lậu. Vì sao? Vì nếu tâm tức lậu thì như A-la-hán khi lậu hết thì tâm phải hết, pháp cũng giống như thế. Vì sao? Vì nếu pháp nhất định là lậu, thì bậc Thánh vào bốn thiền căn bản cũng phải sinh lậu, khi bốn thiền này chưa hợp với tâm thì cũng phải là lậu. Nhưng bậc Thánh vào bốn thiền lại chẳng sinh lậu. Khi pháp bốn thiền chưa tương ưng với tâm thì cũng tự không có pháp hữu lậu sinh. Vì sao lại nói pháp tức là hữu lậu? Nay nói lậu này chẳng riêng ở pháp, cũng chẳng riêng ở tâm. Khi pháp hợp với tâm liền có lậu sinh. Vì có hữu lậu nên hai chỗ

đều được tên. Ví như thuốc tiên người uống vào thì liền được tiên, mà thuốc và người đều vốn chẳng phải tiên, thuốc và người hòa hợp thì liền có tiên. Cho nên thuốc chịu tên thuốc tiên, người chịu tên người tiên. Nếu thuốc chẳng do người thì chẳng gọi là thuốc tiên, người chẳng nhân thuốc thì chẳng gọi là người tiên. Pháp lậu, tâm lậu cũng giống như thế. Ba nghĩa pháp tâm kia cũng so đây mà hiểu. Cho nên A-nan nói bầy Tỳ-kheo, vì Xá-lợi-phất mà nói kệ rằng:

*Các pháp từ duyên sinh
Pháp này gọi nhân duyên
Pháp này khi duyên hết
Thầy ta nói như thế.*

Lại nữa, nếu bảo pháp hữu lậu tự có pháp hữu lậu, nếu pháp hữu lậu do tâm hữu lậu nên có pháp hữu lậu. Nếu Phật hữu lậu chẳng do pháp chẳng do tâm nên có pháp hữu lậu. Chấp như đây thì e rơi vào tà kiến. Vì sao? Nếu bảo do pháp hữu lậu nên có pháp hữu lậu tức là hữu lậu tự tánh. Nếu là tự tánh pháp hữu lậu thì phải có lậu pháp vô cùng, vì tự tánh lại có tự tánh. Nay thật chẳng phải như thế. Nếu bảo pháp hữu lậu chẳng thể tự có, do tâm hữu lậu mà có thì tức là pháp hữu lậu tha tự tánh. Vì sao? Nếu pháp hữu lậu đợi tâm hữu lậu làm tự tánh thì nay tâm hữu lậu đợi pháp hữu lậu há chẳng phải là tha tánh. Nếu do tha tánh mà có pháp hữu lậu, tha tánh có pháp hữu lậu thì pháp hữu lậu lại là pháp hữu lậu, lại không có tâm pháp khác. Nếu tha tánh chẳng phải pháp hữu lậu thì chẳng phải pháp hữu lậu, sao lại có pháp hữu lậu được. Cho nên biết pháp hữu lậu chẳng ngoài tâm hữu lậu mà có. Nếu bảo pháp hữu lậu do pháp hữu lậu và tâm hữu lậu mà có, thì tức là cùng có, nếu là cùng có thì từ tánh tự tha mà có pháp hữu lậu. Nếu thế, thì một lúc phải có hai pháp hữu lậu. Nay thật chẳng phải thế. Cho nên biết không phải tự tha chung nhau mà có pháp hữu lậu. Nếu bảo lìa pháp hữu lậu, lìa tâm hữu lậu mà có pháp hữu lậu thì tức là không nhân duyên mà có pháp hữu lậu. Từ nhân duyên mà có pháp hữu lậu còn không được thay, huống là không có nhân duyên mà có pháp hữu lậu. Pháp nhân thành giả nói rộng như chỉ quán. Có lậu tâm cũng giống như thế. Ba thứ tâm pháp kia cũng thế. Lại nữa, nếu pháp hữu lậu nhất định là pháp hữu lậu, pháp hữu lậu tức là pháp sinh diệt tiếp nối, là sinh cho nên sinh, hay là diệt cho nên sinh, là sinh diệt cho nên sinh, là lìa sinh lìa diệt mà được sinh. Nếu là sinh sinh tức là tự sinh. Nếu do diệt mà sinh thì tức là tha sinh. Nếu do sinh diệt cho nên sinh thì tức là cộng sinh, nếu lìa sinh diệt mà nói sinh, tức là vô nhân duyên mà sinh. Từ nhân duyên sinh còn chẳng

thật có, hướng là vô nhân duyên mà sinh. Phải biết hữu lậu sinh rốt ráo chẳng thật có. Nếu vô sinh thì vô diệt, nếu vô sinh diệt tức là không có nối tiếp. Nếu không sinh diệt nối tiếp thì không có pháp hữu lậu. Pháp tiếp nối giả, nói rộng như Chỉ quán. Tâm hữu lậu cũng giống như thế; Ba thứ tâm pháp kia cũng giống như thế. Lại nữa, nếu pháp hữu lậu là sinh, là sinh mà sinh, cho nên sinh hay chẳng sinh mà sinh cho nên sinh, là sinh chẳng sinh cho nên sinh, là chẳng phải sinh chẳng phải chẳng sinh cho nên sinh. Nếu sinh mà sinh thì là tự tánh sinh. Nếu chẳng sinh mà sinh tức là tha tánh sinh. Nếu sinh chẳng sinh mà sinh thì tức là cộng sinh. Nếu chẳng phải sinh chẳng phải chẳng sinh mà sinh tức là không nhân duyên sinh. Từ nhân duyên sinh còn chẳng thật có hướng chi là vô nhân duyên mà sinh. Ấy là trong tương đãi giả mà cầu sinh pháp hữu lậu thì rốt ráo chẳng thật có. Nếu không sinh thì không có lậu pháp tương đãi giả mà nói riêng như chỉ quán. Tâm hữu lậu cũng giống như thế. Ba thứ pháp tâm kia cũng như thế. Phải biết pháp hữu lậu ở nhân thành tiếp nối. Trong tương đãi đều có bốn câu, cầu rốt ráo chẳng thật có. Nếu chẳng thật có thì làm sao phân biệt. Nếu có pháp hữu lậu hoặc không có pháp hữu lậu mà nói pháp hữu lậu thì phải biết là chỉ có danh tự. Trong đó nhất định không có chỗ nương tựa mà sinh, các hý luận phá mất trí tuệ. Kế nói tâm hữu lậu cũng giống như thế. Nếu pháp tâm hữu lậu như thế, thì ba câu pháp tâm kia cũng giống như thế. Chỉ vì danh tự thế gian mà nói pháp danh tự, chẳng ở hai bên trong, ngoài và khoảng giữa, cũng chẳng thường từ tên có không mà gọi, nên nói là giả danh.

Hỏi: Nếu thế vì sao phân biệt pháp tâm khác nhau?

Đáp: Chỉ vì danh tự thế gian nên phân biệt pháp tâm khác nhau, trong đó là không có thật.

Hỏi: Vì sao đối với danh tự mà phân biệt pháp tâm khác nhau?

Đáp: Nếu biết pháp tâm là không thật có mà chỉ có danh, tự tại như trên mà phân biệt tướng pháp tâm thì không lỗi. Cho nên kinh Đại Phẩm nói: Tu-bồ-đề chẳng hoại giả danh mà nói các pháp thật tướng. Lại nữa, như tâm số là tâm vương hay tâm ba ấm thọ tướng hành, và sắc ấm hay thức ấm, là pháp tâm tâm tương ứng hay pháp tâm bất tương ứng và sắc pháp, pháp vô vi hay tâm pháp, là tâm sở duyên hay pháp năng duyên, là tâm năng sinh hay pháp sở sinh, là cảnh tâm sở quán hay trí năng quán, là tâm pháp thành ở tâm hay tâm y ở pháp. Như v.v... trong các danh tự, các thứ phân biệt tâm pháp khác nhau. Tuy có sự phân biệt này nhưng đều như huyền hóa không có chấp trước đồng quy về tướng một. Nghĩa này đến chương mười là kết hội quy thú sẽ giải thích rộng.